

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II
NĂM 2022**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3 . Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2022	9
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2022	10 - 11
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý II năm 2022	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Quý II cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 3 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 043 827 1620
Fax : 043 827 1068
E-mail : cbtt.dgc@ducqiangchem.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 4 5 2 5 8 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Khu công nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Lô đất L4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:	
- Vận tải bằng đường bộ;	
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm;	
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: cho thuê nhà xưởng;	
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;	
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; chi tiết: sản xuất các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;	
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;	
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện;	

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 29).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	29 tháng 3 năm 2019	
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên	26 tháng 5 năm 2020	29 tháng 3 năm 2022
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên	29 tháng 3 năm 2022	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban	4 tháng 4 năm 2015	
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên	29 tháng 3 năm 2019	
Ông Vũ Văn Ngọc	Thành viên	5 tháng 4 năm 2018	

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Duy Anh	Tổng Giám đốc	12 tháng 3 năm 2020	
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2015	
Ông Lưu Bách Đạt	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 03 năm 2022	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Đào Hữu Duy Anh

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.336.075.115.424	342.562.727.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.668.410.603	7.512.384.651
1. Tiền	111		3.668.410.603	7.512.384.651
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.236.393.939.229	270.496.602.742
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.236.393.939.229	270.496.602.742
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.702.428.800	20.926.074.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.988.165.208	5.434.432.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.973.064.957	11.433.042.639
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	21.741.198.635	4.058.599.178
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		57.562.120.053	40.875.870.416
1. Hàng tồn kho	141	V.8	57.562.120.053	40.875.870.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.748.216.739	2.751.794.756
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.442.970.759	1.417.704.388
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	305.245.980	1.334.090.368
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.987.433.252.525	4.677.994.659.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.464.403.699	3.239.083.336
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		4.464.403.699	3.239.083.336
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		177.048.578.440	177.997.992.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	177.033.856.217	177.961.186.648
<i>Nguyên giá</i>	222		355.287.211.955	338.772.656.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(178.253.355.738)	(160.811.469.752)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	14.722.223	36.805.556
<i>Nguyên giá</i>	228		265.000.000	265.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(250.277.777)	(228.194.444)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.650.094.822.400	4.350.094.822.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.650.094.822.400	4.350.094.822.400
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		155.825.447.986	146.662.761.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	155.825.447.986	146.662.761.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.323.508.367.949	5.020.557.386.840

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		121.010.756.836	252.653.727.280
I. Nợ ngắn hạn	310		121.010.756.836	252.653.727.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	48.093.321.126	28.753.674.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	883.096.496	1.069.196.223
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.525.021.072	4.148.059.736
4. Phải trả người lao động	314		20.340.061.449	19.371.065.285
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	34.280.738	62.668.057
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.337.879.888	173.634.509.650
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	27.797.096.067	25.614.553.448
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.202.497.611.113	4.767.903.659.560
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	6.202.497.611.113	4.767.903.659.560
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.712.420.730.000	1.710.805.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.712.420.730.000	1.710.805.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(8.730.000)	(8.730.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.813.550.169	472.396.204.544
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.604.688.544	798.043.252.616
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	410.085.392.491
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		105.604.688.544	387.957.860.125
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.323.508.367.949	5.020.557.386.840

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thúy Hà

Đào Thị Mai

Đào Hữu Duy Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2022

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	106.374.980.825	131.380.126.176	319.327.461.265	222.522.695.900
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	106.374.980.825	131.380.126.176	319.327.461.265	222.522.695.900
4.	Giá vốn hàng bán	11		73.272.557.675	92.154.329.618	207.478.749.269	163.259.153.970
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.102.423.150	39.225.796.558	111.848.711.996	59.263.541.930
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.515.587.971	46.505.084.511	1.529.451.518.329	289.162.593.762
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	61.816.120	14.528.535	61.816.120	14.528.535
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.100.168.932	14.846.631.494	44.495.877.566	20.671.510.263
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.563.526.732	8.024.016.899	17.798.597.163	15.656.014.881
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.892.499.337	62.845.704.141	1.578.943.939.476	312.084.082.013
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	-	4.083.478	-	4.083.478
12.	Chi phí khác	32	VI.8	181.399.050	200.000.000	261.399.050	536.709.000
13.	Lợi nhuận khác	40		(181.399.050)	(195.916.522)	(261.399.050)	(532.625.522)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.711.100.287	62.649.787.619	1.578.682.540.426	311.551.456.491
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.450.127.302	3.885.038.048	14.640.220.153	5.987.539.026
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.260.972.985	58.764.749.571	1.564.042.320.273	305.563.917.465
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				

Người lập biểu



Hoàng Thúy Hà

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Kế toán trưởng



Đào Thị Mai

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Duy Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.578.682.540.426	311.551.456.491
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	17.463.969.319	12.823.562.386
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	39.703.120	(3.060.576)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.529.362.912.163)	(289.046.484.091)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		66.823.300.702	35.325.474.210
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.839.029.890	14.317.046.339
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.686.249.637)	(14.521.949.816)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.226.933.669	99.189.916.035
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.187.952.799)	(73.880.584.087)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.659.156.765)	(6.133.468.219)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(127.265.826.101)	(6.635.931.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(60.909.921.041)	47.660.503.363
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.514.555.555)	(24.701.213.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.310.022.768.491)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		346.229.554.248	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000.000)	(124.010.198.722)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.508.446.930.031	251.459.163.325
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		228.139.160.233	92.747.750.856

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(171.073.442.450)	(224.254.127.272)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(171.073.442.450)	(224.254.127.272)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.844.203.258)	(83.845.873.053)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.512.384.651	88.757.098.084	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	229.210	(41.711)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.668.410.603	4.911.183.320	

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thúy Hà

Đào Thị Mai

Đào Hữu Duy Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh chính** : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Cho thuê nhà xưởng;
Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng;
Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Khu Công nghiệp Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV Thể Thao Hóa chất Đức Giang	Số 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà nội	Quảng cáo, tuyên truyền hình ảnh....	100,00%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đắc Nông	Khu Công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Sản xuất hóa chất cơ bản (chi tiết: Sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất, trừ các hóa chất Nhà nước cấm)	100,00%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV Đức Giang Nghi Sơn	Khu Công nghiệp Số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất hóa chất cơ bản (chi tiết: Sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất, trừ các hóa chất Nhà nước cấm)	100,00%	100,0%	100,0%	100,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đức Giang	Số 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà nội	Kinh doanh bất động sản	100,00%	100,0%	100,0%	100,0%
6	Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam (*)	Khu Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất	51,00%	51,0%	51,0%	51,0%

(*) Tỷ lệ vốn góp gián tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Phốt Phô Apatit Việt Nam là 51% do tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai trong công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam là 51%.

Các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng An, xã bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh bình Dương. Chi nhánh Hưng Yên, địa chỉ ô đất L4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sĩ, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 Công ty có 324 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 321 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm, giảm giá hàng bán, phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	654.111.069	164.853.598
Tiền gửi ngân hàng	3.014.299.534	7.347.531.053
Cộng	3.668.410.603	7.512.384.651

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	4.650.094.822.400		4.650.094.822.400	4.350.094.822.400		4.350.094.822.400
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Lào Cai(i)	2.785.094.822.400		2.785.094.822.400	2.785.094.822.400		2.785.094.822.400
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ(ii)	60.000.000.000		60.000.000.000	60.000.000.000		60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang (iii)	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Đức Giang				
Nghi Sơn (v)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất Động				
Sản Đức Giang(vi)	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất				
Đức Giang Đắk Nông	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>		
Cộng	<u>4.650.094.822.400</u>	<u>4.650.094.822.400</u>	<u>4.350.094.822.400</u>	<u>4.350.094.822.400</u>

Tình hình hoạt động của các công ty con

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi số 5300299830 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty đang sở hữu 100% vốn điều lệ (tương đương 997.854.630.000 đồng) của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Lào Cai. Giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Lào Cai là 2.785.094.822.400 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ, tương ứng số vốn góp 60.000.000.000 VND. Ngày 17 tháng 05 năm 2019, Công ty con đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Cổ phần sang Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0201306816.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01090787678 ngày 30 tháng 01 năm 2020, Công ty đang sở hữu 100% vốn điều lệ (tương đương 5 tỷ đồng) của Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802846993 ngày 14 tháng 5 năm 2020, Công ty đang sở hữu 100% vốn điều lệ (tương đương 1.000 tỷ đồng) của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số tiền 1.000 tỷ đồng.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109516875 ngày 01 tháng 02 năm 2021, Công ty đang sở hữu 100% vốn điều lệ (tương đương 500 tỷ đồng) của Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đức Giang. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số tiền 500 tỷ đồng.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC)		
Mua hàng từ DLC	2.911.643.411	1.990.706.902
Thuế GTGT đầu vào	236.636.522	199.070.691
Doanh thu bán hàng hóa	170.208.611.804	13.972.228.358
Cước vận chuyển, cung cấp dịch vụ	37.955.180.591	15.564.645.044
Thuế GTGT đầu ra	12.241.700.007	2.953.687.340
Chuyển trả tiền hàng cho DLC	60.540.000.000	
DLC chuyển trả tiền hàng	186.713.755.528	49.709.000.000
DLC chuyển trả tiền cổ tức cho DGC	1.500.000.000.000	238.860.000.000
Công ty TNHH MTV Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ		
Phải thu bảo hiểm nộp hộ	199.463.290	59.242.659
DDC chuyển trả tiền cổ tức cho DGC	8.580.000.000	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	433.913.178	75.297.995

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế GTGT hàng bán	43.391.319	7.529.800
Công ty TNHH thể thao Hóa chất Đức Giang		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.436.068	5.411.176
Thuế GTGT hàng bán	343.607	541.117
3 Phải thu ngắn hạn khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	822.706.735	1.729.715.768
Công ty Cổ Phần Phốt Pho Apatit Việt nam		256.826.905
Công ty TNHH Văn Minh	822.706.735	1.472.888.863
Phải thu các khách hàng khác	2.165.458.473	3.704.717.192
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	186.592.780	179.150.400
Các đối tượng khác	1.978.865.693	3.525.566.792
Cộng	2.988.165.208	5.434.432.960
4 Trả trước cho người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	11.973.064.957	11.433.042.639
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	315.768.000	395.513.800
Các nhà cung cấp khác	11.657.296.957	11.037.528.839
Cộng	11.973.064.957	11.433.042.639
5 Phải thu khác		
a. Ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	20.467.330	
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đắc Nông	20.467.330	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.720.731.305	4.058.599.178
Tạm ứng	362.317.605	282.850.000
Ký cược, ký quỹ	31.750.000	31.750.000
Dự thu lãi tiền gửi	20.557.645.738	1.766.253.180
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	769.017.962	1.977.745.998
Cộng	21.741.198.635	4.058.599.178
b. Dài hạn	4.464.403.699	3.239.083.336
Quỹ bảo vệ Môi trường tỉnh Lào Cai	4.464.403.699	3.239.083.336
Cộng	4.464.403.699	3.239.083.336
6 Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.464.979.916	13.656.465.118
Công cụ, dụng cụ	50.524.928	49.269.128
Thành phẩm	42.046.615.209	27.170.136.170

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	57.562.120.053	40.875.870.416			
7 Chi phí trả trước					
7a Chi phí trả trước ngắn hạn					
	Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Phí bảo hiểm, thiết bị định vị, phí đường bộ	279.153.447	43.432.559			
Chi phí sửa chữa xe	1.163.817.312	1.374.271.829			
Cộng	1.442.970.759	1.417.704.388			
7b Chi phí trả trước dài hạn					
	Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Chi phí thuê đất tại Bình Dương	26.749.999.996	27.250.000.000			
Chi phí trả trước khai trường 25	104.530.436.546	94.477.750.114			
Chi phí thuê đất KCN Phố nổi	24.545.011.444	24.935.011.444			
Cộng	155.825.447.986	146.662.761.558			
8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.665.695.834	150.958.584.527	104.648.781.280	499.594.759	338.772.656.400
Tăng trong kỳ do mua mới		274.962.963	16.239.592.592		16.514.555.555
Giảm do thanh lý					
Số cuối kỳ	82.665.695.834	151.233.547.490	120.888.373.872	499.594.759	355.287.211.955
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.700.207.500	78.862.356.277	58.786.382.681	462.523.294	160.811.469.752
Tăng do khấu hao trong kỳ	1.886.609.667	5.782.819.223	9.755.188.914	17.268.182	17.441.885.986
Giảm trong kỳ do thanh lý					
Số cuối kỳ	24.586.817.167	84.645.175.500	68.541.571.595	479.791.476	178.253.355.738
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.965.488.334	72.096.228.250	45.862.398.599	37.071.465	177.961.186.648
Số cuối kỳ	58.078.878.667	66.588.371.990	52.346.802.277	19.803.283	177.033.856.217
9 Tài sản cố định vô hình					
	Nguyên Giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		
Số đầu năm	265.000.000	228.194.444	36.805.556		
Khấu hao trong năm		22.083.333	22.083.333		
Số cuối kỳ	265.000.000	250.277.777	14.722.223		
10 Phải trả người bán ngắn hạn					
		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Phải trả các bên liên quan		28.612.700.680	7.700.261.362		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai		28.612.700.680	7.700.261.362		
Phải trả nhà cung cấp khác		19.480.620.446	21.053.413.519		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CP TM & DỊCH VỤ XUÂN GIAO	3.508.266.792	
MITSUI & CO.,LTD		8.010.983.364
Công ty TNHH MTV thương mại Quang Thành	2.788.146.570	
Các nhà cung cấp khác	13.184.207.084	13.042.430.155
Cộng	48.093.321.126	28.753.674.881

11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên có liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	883.096.496	1.069.196.223
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Việt Nhất	132.643.764	132.600.000
Các khách hàng khác	750.452.732	936.596.223
Cộng	883.096.496	1.069.196.223

12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.726.893.691		7.213.677.117	8.619.269.500		321.301.308	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			2.074.209.423	2.074.209.423			
Thuế xuất, nhập khẩu							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.387.855		14.640.220.153	1.659.156.765		14.586.451.243	
Thuế thu nhập cá nhân	522.046.030		9.271.140.314	8.987.350.319		805.836.025	
Các loại thuế khác	293.732.160		34.397.960.507	29.880.260.171		4.811.432.496	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.334.090.368	2.574.625.209	1.545.780.821			305.245.980
Cộng	4.148.059.736	1.334.090.368	70.171.832.723	52.766.026.999		20.525.021.072	305.245.980

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.578.682.540.426	311.551.456.491
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	3.098.560.332	3.547.323.585
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.098.560.332	3.547.323.585
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	1.581.781.100.758	315.098.780.076
Thu nhập được miễn thuế	(1.508.580.000.000)	(285.161.084.948)
Thu nhập tính thuế	73.201.100.758	29.937.695.128
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.640.220.153	5.987.539.026
--	-----------------------	----------------------

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 54.312m² và 1.739,8m² đất đang sử dụng với mức thuê lần lượt là 4.376.551.228VND/năm và 70.416.665VND/năm theo quy định tại thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		<i>37.243.492.000</i>
Phải trả HĐQT, BKS tiền cổ tức		37.243.492.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>3.337.879.888</i>	<i>136.391.017.650</i>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN		
Kinh phí công đoàn	770.263.096	329.060.904
Tiền nhận đặt cọc xe	2.145.000.000	2.179.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.746.756	133.872.697.206
Phải trả, phải nộp khác	379.870.036	10.259.540
Cộng	3.337.879.888	173.634.509.650

14 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số đầu năm	2.015.841.193	23.598.712.255	25.614.553.448
Trích quỹ từ lợi nhuận		129.448.368.720	129.448.368.720
Chi quỹ trong kỳ	436.000.000	6.829.826.101	7.265.826.101
Điều chuyển quỹ cho công ty con		120.000.000.000	120.000.000.000
Số cuối kỳ	1.579.841.193	26.217.254.874	27.797.096.067

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính quý II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	1.487.669.430.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	344.923.786.294	809.768.169.067	4.429.020.027.761
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	223.136.130.000				(223.136.130.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-		559.037.543.125	559.037.543.125
Trích lập các quỹ trong năm trước				127.472.418.250	(176.546.646.576)	(49.074.228.326)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-			(171.079.683.000)	(171.079.683.000)
Số dư cuối năm trước	1.710.805.560.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	472.396.204.544	798.043.252.616	4.767.903.659.560
Số dư đầu năm nay	1.710.805.560.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	472.396.204.544	798.043.252.616	4.767.903.659.560
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	2.001.615.170.000				(2.001.615.170.000)	-
Phát hành Esop						-
Trích lập các quỹ				125.417.345.625	(254.865.714.345)	(129.448.368.720)
Lợi nhuận trong năm nay					1.564.042.320.273	1.564.042.320.273
Chia cổ tức năm nay						-
Số dư cuối năm nay	3.712.420.730.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	597.813.550.169	105.604.688.544	6.202.497.611.113

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18 Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	371.242.073	171.080.556
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	371.242.073	171.080.556
- Cổ phiếu phổ thông	371.242.073	171.080.556
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(873)	(873)
- Cổ phiếu phổ thông	(873)	(873)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	371.241.200	171.079.683
- Cổ phiếu phổ thông	371.241.200	171.079.683
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	319.327.461.265	222.522.695.900
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	273.972.458.166	181.276.919.609
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.355.003.099	41.245.776.291
Cộng	319.327.461.265	222.522.695.900

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH Văn Minh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.950.421.017	39.418.519.944
Thuế GTGT đầu ra	2.690.513.154	3.941.852.001
Cộng	29.640.934.171	43.360.371.945

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	166.994.588.164	129.121.081.793
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.484.161.105	34.138.072.177
Cộng	207.478.749.269	163.259.153.970

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	20.782.912.163	3.885.399.143
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.943.038	4.611.113
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.508.580.000.000	285.161.084.948
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.663.128	108.437.982
Cộng	1.529.451.518.329	289.162.593.762

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4 Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.113.000	14.528.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.703.120	
Cộng	61.816.120	14.528.535

4 Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.919.385.398	6.011.641.529
Chi phí vật liệu, bao bì	14.866.805	1.034.277.973
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.187.044	21.864.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.703.047	464.324.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.688.444.608	11.909.988.682
Chi phí bằng tiền khác	416.290.664	1.229.412.607
Cộng	44.495.877.566	20.671.510.263

5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.855.037.250	7.745.404.312
Chi phí vật liệu quản lý	381.408.432	213.524.395
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.483.663.393	3.820.936.116
Thuế, phí và lệ phí	2.426.731.391	2.348.309.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	370.528.613	1.366.782.172
Chi phí bằng tiền khác	1.281.228.084	161.058.306
Cộng	17.798.597.163	15.656.014.881

6 Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền đền bù do hỏa hoạn		175.709.000
Chi phí khác	261.399.050	361.000.000
Cộng	261.399.050	536.709.000

7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hóa Chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Văn Minh

Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Văn Minh		
Trả tiền hàng	12.902.234.674	14.856.026.193
Giá trị hàng hóa mua vào	37.847.723.439	45.647.043.144
Thuế GTGT hàng hóa mua vào	3.667.834.954	4.499.729.314

2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	319.327.461.265			319.327.461.265
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	319.327.461.265			319.327.461.265
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.848.711.996			111.848.711.996
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(62.294.474.729)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				49.554.237.267
Doanh thu hoạt động tài chính				1.529.451.518.329
Chi phí tài chính				(61.816.120)
Thu nhập khác				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khác		(261.399.050)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(14.640.220.153)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế thu		1.564.042.320.273
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.063.367.707	18.063.367.707
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.441.885.986	17.441.885.986

2a Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: là hoạt động sản xuất chất tẩy rửa, HCTK, vôi can...
- Lĩnh vực thương mại: bán H₂SO₄, ...

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất	271.383.223.424	178.727.377.616
Lĩnh vực thương mại	47.944.237.841	43.795.318.284
Cộng	319.327.461.265	222.522.695.900

3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng giám đốc



Đào Hữu Duy Anh